

Họ, tên thí sinh:.....
Số báo danh:.....

Mã đề thi 812

Câu 41. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, sông Bến Hải thuộc hệ thống sông nào sau đây?

A. Sông Ba. B. Sông Mã. C. Sông Cả. D. Sông Thu Bồn.

Câu 42. Ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta hiện nay là

A. điện lực. B. đóng tàu. C. khai khoáng. D. luyện kim.

Câu 43. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây là đô thị loại 3?

A. Pleiku. B. An Khê. C. Đà Lạt. D. Buôn Mê Thuột

Câu 44. Công nghiệp luyện kim thuộc nhóm ngành

A. công nghiệp tiêu dùng. B. công nghiệp trọng điểm.

C. công nghiệp chế biến. D. công nghiệp khai thác.

Câu 45. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, tỉnh có diện tích lớn nhất cả nước là

A. Gia Lai. B. Nghệ An. C. Đắk Lắk. D. Quảng Nam.

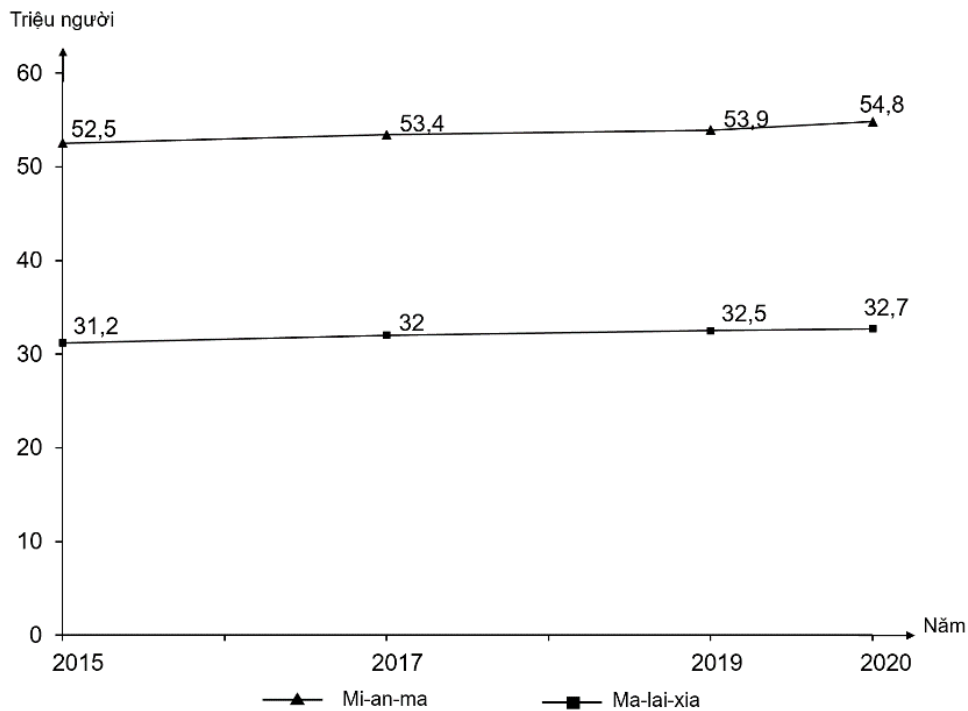
Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trồng nhiều cây hàng năm nào sau đây?

A. Mía, ngô. B. Lạc, mía. C. Lạc, đậu tương. D. Thuốc lá, ngô.

Câu 47. Thiên tai bất thường và gây hậu quả nghiêm trọng ở nước ta là

A. lũ quét. B. hạn hán. C. ngập lụt. D. bão biển.

Câu 48. Cho biểu đồ: SỐ DÂN CỦA MI-AN-MA VÀ MA-LAI-XI-A, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020



(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về gia tăng dân số của hai quốc gia trên?

A. Mi-an-ma tăng nhiều hơn Ma-lai-xi-a. B. Mi-an-ma tăng nhưng biến động nhẹ.

C. Ma-lai-xi-a giảm, Mi-an-ma tăng. D. Mi-an-ma giảm, Ma-lai-xi-a tăng.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh nào sau đây ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long có khu kinh tế ven biển?

- A. Trà Vinh. B. Bến Tre. C. Tiền Giang. D. Bạc Liêu.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Vũng Áng thuộc tỉnh nào?

- A. Hà Tĩnh. B. Quảng Trị. C. Quảng Bình. D. Nghệ An.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, nhà máy nhiệt điện lớn nhất miền Bắc là

- A. Uông Bí. B. Phả Lại. C. Ninh Bình. D. Na Dương.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng lúa lớn nhất?

- A. Hưng Yên. B. Hải Dương. C. Hà Nội. D. Bắc Ninh.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết từ Thái Nguyên lên Bắc Cạn đi qua quốc lộ nào sau đây?

- A. 3. B. 6. C. 5. D. 4B.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết ở Thiên Cầm có loại hình du lịch nào sau đây?

- A. Vườn quốc gia. B. Hang động. C. Du lịch biển. D. Thắng cảnh.

Câu 55. Biện pháp để bảo vệ rừng phòng hộ ở nước ta là

- A. xây công trình đê biển. B. nuôi dưỡng rừng ngập mặn.
C. chống ô nhiễm đất mặn. D. mở rộng vườn quốc gia.

Câu 56. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Phúc Yên. B. Bắc Ninh. C. Hải Phòng. D. Cẩm Phả.

Câu 57. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết than bùn có ở tỉnh nào sau đây?

- A. Kiên Giang. B. Sóc Trăng. C. Tiền Giang. D. Cần Thơ.

Câu 58. Đông Nam Bộ có địa danh du lịch biển nổi tiếng là

- A. Cam Ranh. B. Vũng Tàu. C. Nha Trang. D. Mũi Né.

Câu 59. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM,
GIAI ĐOẠN 2015 - 2020 (Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2015	2018	2019	2020
Thái Lan	401,2	506,6	544,3	501,6
Việt Nam	239,4	281,3	334,3	346,6

(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2015 - 2020?

- A. Thái Lan tăng và Việt Nam giảm. B. Việt Nam tăng và Thái Lan giảm.
C. Việt Nam tăng nhanh hơn Thái Lan. D. Việt Nam tăng ít hơn Thái Lan.

Câu 60. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có lượng mưa cao nhất vào tháng 10?

- A. Lạng Sơn. B. Đồng Hới. C. Điện Biên Phủ. D. Hà Nội.

Câu 61. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên Nam Trung Bộ và Nam Bộ, cho biết cao nguyên nào sau đây cao nhất?

- A. Di Linh. B. Lâm Viên. C. Mơ Nông. D. Kon Tum.

Câu 62. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất?

- A. Lào Cai. B. Hà Giang. C. Bắc Cạn. D. Quảng Ninh.

Câu 63. Cơ cấu theo thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay chuyển dịch theo xu hướng nào sau đây?

- A. Tăng nhanh tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ. B. Tăng nhanh khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
C. Phát triển nhiều khu kinh tế ven biển, khu chế xuất. D. Khu vực ngoài Nhà nước tỉ trọng nhỏ, đang giảm.

Câu 64. Ở nước ta hiện nay, tình trạng thất nghiệp

- A. chủ yếu do nghề nông mang tính mùa vụ. B. có tỉ lệ cao hơn nhiều tỉ lệ thiếu việc làm.
C. ở khu vực thành thị nhiều hơn nông thôn. D. phần lớn đã được giải quyết ở đồng bằng.

Câu 65. Lãnh thổ nước ta trải dài qua nhiều vĩ tuyến nên có

- A. khí hậu đa dạng. B. khoáng sản phong phú.
C. tổng bức xạ lớn. D. sông ngòi dày đặc.

Câu 66. Thuận lợi chủ yếu để phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay là

- A. ứng dụng phổ biến công nghệ gen. B. dịch vụ thú y ngày càng phát triển.
C. giống vật nuôi nhập khẩu đa dạng. D. nguồn cung cấp thức ăn phong phú.

Câu 67. Sản xuất lúa ở nước ta hiện nay

- A. áp dụng nhiều biện pháp thâm canh. B. sử dụng ít giống cho năng suất cao.
C. chưa theo hướng nông nghiệp hiện đại. D. trồng nhiều nhất ở Đồng bằng sông Hồng.

Câu 68. Việc khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo của nước ta hiện nay đang phát triển theo xu hướng

- A. chưa gắn với bảo vệ môi trường. B. đẩy mạnh đánh bắt loài quý hiếm.
C. khuyến khích đánh bắt xa bờ. D. cấm khai thác thủy sản ven bờ.

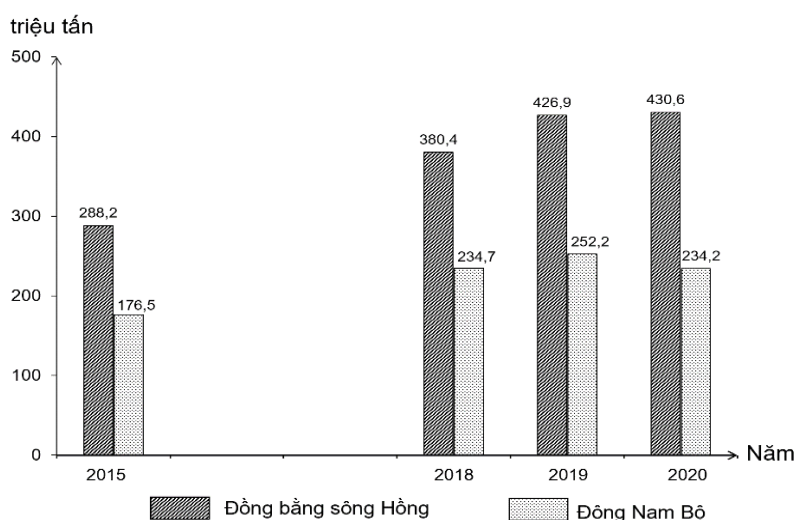
Câu 69. Đô thị hóa ở nước ta hiện nay

- A. tăng về số lượng và quy mô đô thị. B. thu hẹp dần sự phân hóa giàu nghèo.
C. hoàn toàn gắn với công nghiệp hóa. D. phát triển mạnh ở các tỉnh phía Tây.

Câu 70. Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường biển nước ta?

- A. Toàn bộ cảng biển đều vận chuyển quốc tế. B. Tỉ trọng khối lượng hàng vận chuyển lớn nhất.
C. Có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển. D. Tất cả các tỉnh ven biển có cảng nước sâu.

Câu 71. Cho biểu đồ về khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ của Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, giai đoạn 2015 - 2020



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Quy mô khối lượng. B. Tốc độ tăng khối lượng.
C. Cơ cấu khối lượng. D. Chuyển dịch cơ cấu khối lượng.

Câu 72. Ý nghĩa chủ yếu của việc nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

- A. khai thác thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện mức sống.
B. tạo nông sản hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng thu nhập.
C. tận dụng tài nguyên, sử dụng hợp lí lao động, tăng giá trị nông sản.
D. phân hóa lãnh thổ, đa dạng kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm.

Câu 73. Giải pháp chủ yếu để tăng giá trị sản xuất cây cà phê ở Tây Nguyên là

- A. phát triển công nghiệp chế biến, tạo thương hiệu, mở rộng xuất khẩu.
- B. mở rộng diện tích, thu hút đầu tư nước ngoài, áp dụng công nghệ cao.
- C. nâng cao chất lượng đất, phát triển thủy lợi, sử dụng giống cao sản.
- D. phát triển vùng chuyên canh, đào tạo lao động, mở rộng thị trường.

Câu 74. Giải pháp quan trọng để phát triển giao thông biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. thu hút đầu tư, tăng cường cơ sở hạ tầng, phát triển nền kinh tế mở.
- B. xây dựng khu chế xuất, chú trọng du lịch, bảo vệ môi trường biển.
- C. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây cảng mới, phát triển công nghiệp.
- D. phát triển các dịch vụ cảng biển, đa dạng hoạt động xuất nhập khẩu.

Câu 75. Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh du lịch biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tận dụng thế mạnh, tạo nhiều việc làm mới, đáp ứng nhu cầu du khách.
- B. thay đổi cơ cấu kinh tế, khai thác lợi thế tự nhiên, tạo động lực vùng.
- C. phát huy nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng vị thế vùng.
- D. thu hút đầu tư, tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, cải thiện đời sống.

Câu 76. Huế có lượng mưa lớn nhất cả nước chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. biển Đông, gió mùa, áp thấp nhiệt đới, độ cao địa hình.
- B. vĩ độ, hoàn lưu khí quyển, dải hội tụ nhiệt đới, địa hình.
- C. vị trí địa lí, địa hình, gió mùa, bão, dải hội tụ nhiệt đới.
- D. vị trí, độ cao địa hình, hướng núi, gió mùa hạ, dòng biển.

Câu 77. Tác động chủ yếu của biến đổi khí hậu đến Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. rừng ngập mặn giảm, diện tích đất phèn tăng.
- B. mùa khô kéo dài, sạt lở bờ biển tăng mạnh.
- C. triều cường tăng, môi trường biển bị ô nhiễm.
- D. xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt vào mùa khô.

Câu 78. Giá trị nhập khẩu nước ta hiện nay tăng chủ yếu do

- A. sản xuất phát triển, chất lượng cuộc sống tăng.
- B. xuất khẩu mở rộng, đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa.
- C. thị trường tiêu dùng đa dạng, hàng hóa phong phú.
- D. nhu cầu tiêu dùng cao, thị trường được mở rộng.

Câu 79. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 – 2020

Năm	2015	2017	2019	2020
Số dân thành thị (triệu người)	30,9	31,9	33,8	35,9
Tỉ lệ dân thành thị (%)	33,5	33,8	35,0	36,8

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột.
- B. Tròn.
- C. Đường.
- D. Kết hợp.

Câu 80. Mục đích chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. đáp ứng xu thế hội nhập, nâng cao mức sống, tận dụng các nguồn lực.
- B. tận dụng nguồn tài nguyên, đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư.
- C. khắc phục hạn chế, thay đổi phân công lao động, giải quyết việc làm.
- D. khai thác hiệu quả thế mạnh, tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.